



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ BKR INTERNATIONAL

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 04. 62 670 491/492/493 Fax: 04.62 670 494 Website: www.vae.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
cho năm tài chính 2011

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	7 - 9
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 - 28



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2011.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Nhà máy Cơ khí Phổ Yên, trực thuộc Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp, được thành lập theo Quyết định số 283/QĐ/TCNSĐT ngày 22/05/1993 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng. Theo Quyết định số 13/2002/QĐ/BCN ngày 25/03/2002 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) thì Nhà máy Cơ khí Phổ Yên được đổi tên thành Công ty Cơ khí Phổ Yên. Từ ngày 12/12/2003 Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên theo Quyết định số 215/2003/QĐ-BCN ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương), hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1703000098 ngày 07/5/2004. Công ty có 4 lần thay đổi Giấy đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 4 ngày 20/07/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp thì Vốn điều lệ của công ty là : 9.500.000.000 đồng (*Chín tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn*).

Danh sách cổ đông sáng lập

TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần (ĐKKD)
1	Vốn đầu tư của Nhà nước	Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam	48.450
2	Ông Hoàng Công Toán	Xã Đắc Sơn, huyện Phổ Yên, Thái Nguyên	10.718
3	Ông Hà Thế Dũng	Thị trấn Ba Hàng, huyện Phổ Yên, Thái Nguyên	6.274
5	Ông Phan Đăng Danh	Thị trấn Bãi Bông, huyện Phổ Yên, Thái Nguyên	119
6	Ông Vương Đình Dũng	Thị trấn Ba Hàng, huyện Phổ Yên, Thái Nguyên	5.049
7	Các cổ đông khác (216 cá nhân)		24.390

Mệnh giá cổ phần là 100.000 đồng/ cổ phần.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Thiết kế, chế tạo, mua bán vật tư, phụ tùng, thiết bị, vòng bi, dụng cụ và các sản phẩm cơ khí;
- Sản xuất và mua bán phụ tùng ô tô, máy nông nghiệp, xe gắn máy, cân đĩa, cân treo;
- Lắp ráp máy nông nghiệp, máy kéo, ô tô;

Địa chỉ: Thị trấn Bãi Bông – Phổ Yên – Thái Nguyên
Tel: (0280) 3863 118 Fax: (0280) 3863 118

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2011 và đến ngày lập Báo cáo tài chính, gồm:



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Công Toán	Chủ tịch
Ông Hà Thế Dũng	Thành viên
Bà Lý Kiều Anh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/06/2011)
Ông Vương Đình Dũng	Thành viên
Ông Phan Đăng Danh	Thành viên
Ông Trần Ngọc Hà	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/06/2011)

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Công Toán	Giám đốc
Ông Hà Thế Dũng	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Nhi	Kế toán trưởng

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban

Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN
Địa chỉ: Thị trấn Bãi Bông - Phổ Yên - Thái Nguyên
Tel: (0280) 3863 118 Fax: (0280) 3863 118

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
*đính kèm Báo cáo tài chính
cho năm tài chính 2011*

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN



Hoàng Công Toán
Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 04 năm 2012



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ BKR INTERNATIONAL

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 04. 62 670 491/492/493 Fax: 04.62 670 494 Website: www.vae.com.vn

Số: 284/12/BC-TC/THII-VAE

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 của Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên

Kính gửi : Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài 2011 được lập ngày 08/04/2012 của Công ty Cổ phần Cơ Khí Phổ Yên (gọi tắt là "Công ty") từ trang 07 đến trang 28 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ tục kiểm toán cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn kiểm toán

- Tại thời điểm kiểm toán, Công ty không theo dõi chi tiết công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ. Chúng tôi đã áp dụng các thủ tục kiểm toán thay thế, tuy nhiên các thủ tục kiểm toán này cũng không đem lại cho chúng tôi các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp nhằm đưa ra ý kiến nhận xét về số dư công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm ngày 31/12/2011.
- Chúng tôi chưa được cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan đến việc theo dõi nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và việc tập hợp chi phí làm cơ sở tính giá thành sản phẩm sản xuất trong kỳ. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về các khoản mục nêu trên cũng như những ảnh hưởng đến việc tính giá thành sản phẩm, giá vốn hàng bán được ghi nhận trong kỳ và các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2011.
- Tại thời điểm kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các bằng chứng liên quan đến khoản đầu tư khác. Do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về khoản mục trên cũng như ảnh hưởng của khoản mục này tới các thông tin trình bày trong Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2011



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các giới hạn kiểm toán nêu trên (nếu có), xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Phở Yên cho năm tài chính 2011:

- (a) Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- (b) Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Cơ khí Phở Yên giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Phạm Hùng Sơn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0813/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Ngô Bá Duy
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1107/KTV



Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT	31/12/2011	01/01/2011
		MINH		
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		158.032.332.230	109.948.191.054
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	5.052.922.875	9.441.414.270
1. Tiền	111		294.087.725	1.258.450.573
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.758.835.150	8.182.963.697
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		51.535.422.176	48.913.417.101
1. Phải thu của khách hàng	131		45.221.261.655	31.472.529.550
2. Trả trước cho người bán	132		5.608.846.719	17.629.375.683
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2.	1.028.961.685	254.829.269
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(323.647.883)	(443.317.401)
IV. Hàng tồn kho	140		99.339.528.147	49.965.897.590
1. Hàng tồn kho	141	V.3.	99.339.528.147	49.965.897.590
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.104.459.032	1.627.462.093
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		337.960.032	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	580.719.093
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.766.499.000	1.046.743.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		97.202.370.903	43.661.697.234
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	(149.822.302)
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	(149.822.302)
II. Tài sản cố định	220		97.202.370.903	43.619.982.254
1. TSCĐ hữu hình	221	V.4.	93.213.385.527	42.935.844.369
- Nguyên giá	222		185.436.819.376	110.188.732.861
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(92.223.433.849)	(67.252.888.492)
3. TSCĐ vô hình	227	V.5.	3.649.755.558	-
- Nguyên giá	228		3.652.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.244.442)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6.	339.229.818	684.137.885
III. Bất động sản đầu tư	240	V.7.	-	41.714.980
- Nguyên giá	241		-	639.964.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	(598.249.020)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.8	-	149.822.302
3. Đầu tư dài hạn khác	258		149.822.302	149.822.302
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(149.822.302)	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		255.234.703.133	153.609.888.288



(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
 (tiếp theo)

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2011		01/01/2011	
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		242.352.617.013		140.668.619.205	
I. Nợ ngắn hạn	310		230.885.166.513		133.614.697.333	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9.	134.954.924.515		76.274.385.291	
2. Phải trả người bán	312		62.663.706.029		28.485.773.974	
3. Người mua trả tiền trước	313		425.598.195		335.138.594	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10.	1.181.659.436		828.878.473	
5. Phải trả người lao động	315		22.574.323.874		20.506.407.974	
6. Chi phí phải trả	316	V.11.	4.685.246.714		3.741.041.636	
9. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12.	4.389.250.150		3.251.613.791	
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-		-	
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		10.457.600		191.457.600	
II. Nợ dài hạn	330		11.467.450.500		7.053.921.872	
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.13.	11.394.233.496		6.852.896.868	
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		73.217.004		121.025.004	
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-		80.000.000	
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		12.882.086.120		12.941.269.083	
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14.	12.882.086.120		12.941.269.083	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		9.500.000.000		9.500.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-		-	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-		-	
4. Cổ phiếu quỹ	414		(15.300.000)		(15.300.000)	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-		-	
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		2.119.417		324.884	
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		170.666.910		170.666.910	
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		113.777.940		113.777.940	
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-		-	
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.110.821.853		3.171.799.349	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-		-	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		255.234.703.133		153.609.888.288	

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	31/12/2011	01/01/2011
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		197.194.000	197.194.000
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		179.509.321	179.509.321
5. Ngoại tệ các loại (USD)		938	941
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 04 năm 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nhi



Hoàng Công Toán

202226
CÔNG T
H NHIỆM H
TOÁN VÀ Đ
IỆT NA
- IẤY - T

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT	Năm 2011	Năm 2010
		MINH		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.15.	395.950.569.594	253.902.625.353
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		71.869.882	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		395.878.699.712	253.902.625.353
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.16.	338.370.566.121	219.900.332.113
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		57.508.133.591	34.002.293.240
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.17.	697.936.173	222.456.089
7. Chi phí tài chính	22	VI.18.	20.615.983.477	8.517.412.351
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		20.132.486.630	7.902.096.124
8. Chi phí bán hàng	24		2.582.861.372	2.027.224.580
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		32.653.513.955	21.830.759.440
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) - (24+25)}	30		2.353.710.960	1.849.352.958
11. Thu nhập khác	31		1.565.402.396	2.612.929.200
12. Chi phí khác	32		395.183.698	221.216.359
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.170.218.698	2.391.712.841
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.523.929.658	4.241.065.799
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.19.	931.870.520	1.069.266.450
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		2.592.059.138	3.171.799.349
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		27.285	22.040

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 04 năm 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nhi

Giám đốc



Hoàng Công Toán



(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 <Theo phương pháp trực tiếp>
 Năm 2011

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm 2011	Năm 2010
I	Lưu chuyển tiền từ kinh doanh				
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		419.207.545.396	261.140.505.382
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(335.149.872.725)	(206.701.407.855)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		(82.391.801.838)	(50.606.663.700)
4	Tiền chi trả lãi vay	04		(17.362.411.971)	(6.845.566.761)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(972.178.935)	(635.635.989)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.894.375.482	3.867.974.348
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(21.864.245.810)	(8.997.041.651)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(34.638.590.401)	(8.777.836.226)
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(32.195.728.887)	(20.330.660.354)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		643.711.472	-
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	-
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		672.290.773	222.456.089
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(30.879.726.642)	(20.108.204.265)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		289.908.071.911	126.907.724.118
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(226.686.196.059)	(93.246.416.146)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.093.844.737)	(1.691.332.664)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		61.128.031.115	31.969.975.308
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(4.390.285.928)	3.083.934.817
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		9.441.414.270	6.357.479.453
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.794.533	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.1.	5.052.922.875	9.441.414.270

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 04 năm 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nhi



Hoàng Công Toán

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 28 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2011

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Nhà máy Cơ khí Phổ Yên, trực thuộc Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp, được thành lập theo Quyết định số 283/QĐ/TCNSĐT ngày 22/05/1993 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng. Theo Quyết định số 13/2002/QĐ/BCN ngày 25/03/2002 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) thì Nhà máy Cơ khí Phổ Yên được đổi tên thành Công ty Cơ khí Phổ Yên. Từ ngày 12/12/2003 Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên theo Quyết định số 215/2003/QĐ-BCN ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương), hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1703000098 ngày 07/5/2004. Công ty có 4 lần thay đổi Giấy đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 4 ngày 20/07/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp thì Vốn điều lệ của công ty là: **9.500.000.000** đồng (*Chín tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn*).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Thiết kế, chế tạo, mua bán vật tư, phụ tùng, thiết bị, vòng bi, dụng cụ và các sản phẩm cơ khí;
- Sản xuất và mua bán phụ tùng ô tô, máy nông nghiệp, xe gắn máy, cân đĩa, cân treo;
- Lắp ráp máy nông nghiệp, máy kéo, ô tô;

Địa chỉ: Thị trấn Bãi Bông - Phổ Yên - Thái Nguyên
Tel: (0280) 3863 118 Fax: (0280) 3863 118

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011
(tiếp theo)

Áp dụng hướng dẫn kế toán

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Phương pháp hạch toán các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC có sự khác biệt so với chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần bị lỗ chênh lệch tỷ giá trong năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Ban Giám đốc Công ty quyết định không áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 và tin tưởng việc áp dụng theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC sẽ phản ánh hợp lý hơn tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty. Nếu áp dụng chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10, lợi nhuận của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31/12/2011 sẽ tăng 2.119.417 VND và khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31/12/2011 sẽ không có số dư.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền của Công ty là các khoản tiền gửi tiết kiệm có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thái Nguyên với lãi suất dao động từ 6% - 13%/năm và Ngân hàng Công Thương Sông Công theo lãi suất thả nổi của ngân hàng tại thời điểm phát sinh, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2011
(tiếp theo)

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Phương pháp bình quân gia quyền cuối quý.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên

Tại thời điểm 31/12/2011 Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/QĐ - BTC ngày 20/10/2009 về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	25
- Máy móc thiết bị	3 – 7,5

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

- Phương tiện vận tải 7
- Thiết bị dụng cụ quản lý 4 - 5

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty là giá trị nhà xưởng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê, được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây dựng là giá trị quyết toán công trình và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng còn lại ước tính trong vòng 05 năm.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Thác Đa. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày mua.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm: khoản chi phí khuyến khích vượt doanh thu, thực tế chưa được chi nhưng được ước tính để ghi nhận vào chi phí trong kỳ, căn cứ trên các hợp đồng đại lý, hoá đơn xuất bán hàng và khoản trích trước lãi vay đối với các hợp đồng vay quy định trả lãi sau, khoản trích trước tiền ăn giữa ca cho cán bộ công nhân viên.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị của số cổ phiếu mua lại của cổ đông là người lao động đang làm việc tại Công ty trong kỳ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán nguyên vật liệu, doanh thu bán hàng hoá sản phẩm cơ khí (vòng bi, dũa, con lăn, bát phước), doanh thu cho thuê xưởng, và doanh thu từ tiền gửi ngân hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2011
(tiếp theo)

Doanh thu bán vật tư, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác"

Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".
Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu cho thuê xưởng được ghi nhận trên cơ sở

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

12.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo hợp đồng và ghi nhận theo hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng. Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo hoá đơn mua hàng của bên mua. Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

Năm 2011, Công ty trích lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi đối với những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo quy định tại thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng. Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau :

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với những khoản phải thu khó đòi đã thu được trong năm, Công ty thực hiện hoàn nhập ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2011
(tiếp theo)

12.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả người lao động

Khoản phải trả người lao động bao gồm lương chế độ theo mức khoán của Công ty và lương theo đơn giá sản phẩm theo quy chế lương của Công ty. Tuy nhiên dựa vào tình hình kết quả kinh doanh hàng tháng của bộ phận sản xuất, Ban giám đốc có quyết định bù lương và tiền lương tính cho các bộ phận được điều chỉnh tại từng thời điểm cụ thể trong năm.

12.3 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là các chi phí cho dự án xây dựng nhà để xe, sửa chữa xây dựng nhà văn phòng của Công ty được ghi nhận theo giá gốc, khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hóa đơn chứng từ hợp pháp.

12.4 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

13 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	39.410.400	70.074.700
Tiền mặt VND	39.410.400	70.074.700
Tiền gửi Ngân hàng	254.677.325	1.188.375.873
Tiền VND	235.135.455	1.170.562.565
Ngân hàng Công thương Sông Công - CN Sông Công	17.635.111	1.003.174.992
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thái Nguyên	1.000.000	1.000.000

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

Ngân hàng TMCP Quân đội	38.143.445	166.387.573
Ngân hàng Sài Gòn Công Thương	177.082.962	-
Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Hồ Chí Minh	1.273.937	-
Tiền USD	19.541.870	17.813.308
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thái Nguyên	19.536.872	17.813.308
Ngân hàng TMCP Quân đội	4.998	-
Các khoản tương đương tiền	4.758.835.150	8.182.963.697
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thái Nguyên	2.718.835.150	1.182.963.697
Ngân hàng Công thương Sông Công	2.040.000.000	7.000.000.000
Tổng cộng	5.052.922.875	9.441.414.270
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyễn Bá Quyền	-	5.000.000
Phạm Trường Thành	13.359.034	-
Đặng Anh Hùng	-	3.507.880
Bùi Ngọc Sỹ	-	2.000.000
Trần Quang Dũng	-	2.500.000
Công ty TNHH MTV Nhiệt luyện và Xử lý bề mặt Việt Hoàng	406.347	10.398.740
Cơ khí An Thịnh	816.119.416	85.049.542
Công ty Cổ phần Plato Việt Nam	151.340.868	36.939.280
Đoàn Tùng Phong	11.667.542	547.542
Đối tượng khác	36.068.478	108.886.285
Tổng cộng	1.028.961.685	254.829.269
3. Hàng tồn kho	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên vật liệu	48.126.921.486	21.622.131.362
Công cụ dụng cụ	5.699.965.016	2.969.977.928
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.773.185.355	4.828.526.747
Thành phẩm tồn kho	23.313.034.604	19.081.219.404
Hàng gửi đi bán	2.426.421.686	1.464.042.149
Cộng giá gốc hàng tồn kho	99.339.528.147	49.965.897.590

2228
 CÔNG TY
 KẾ TÍNH HỮU
 VÀ ĐỊNH
 THÁI NGUYÊN
 TP

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỐ YÊN
Địa chỉ: Thị trấn Bãi Bông - Phố Yên - Thái Nguyên
Tel: (0280) 3863 118 Fax: (0280) 3863 118

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011
(tiếp theo)

4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá								
Số dư ngày 01/01/2011		16.748.923.114	87.719.718.647	4.673.420.512	995.034.225	51.636.363	110.188.732.861	
- Mua trong năm		2.041.337.093	47.910.245.820	7.852.632.363	583.812.132	1.323.483.470	59.711.510.878	
- Tặng do XDCB hoàn thành		16.188.110.973	354.000.000	-	-	-	16.542.110.973	
- BDS đầu tư chuyển sang		639.964.000	-	-	-	-	639.964.000	
- Thanh lý, nhượng bán		(416.682.500)	(1.064.116.436)	(164.700.400)	-	-	(1.645.499.336)	
- Giám khác		-	-	-	-	-	-	
Số dư ngày 31/12/2011		35.201.652.680	134.919.848.031	12.361.352.475	1.578.846.357	1.375.119.833	185.436.819.376	
Giá trị hao mòn lũy kế								
Số dư ngày 01/01/2011		13.747.070.331	49.758.708.840	3.020.086.949	726.161.766	860.606	67.252.888.492	
- Khấu hao trong năm		1.075.895.798	23.344.310.063	1.184.203.354	298.601.781	84.850.012	25.987.861.008	
- BDS đầu tư chuyển sang		604.949.022	-	-	-	-	604.949.022	
- Thanh lý, nhượng bán		(393.447.837)	(1.064.116.436)	(164.700.400)	-	-	(1.622.264.673)	
- Giám khác		-	-	-	-	-	-	
Số dư ngày 31/12/2011		15.034.467.314	72.038.902.467	4.039.589.903	1.024.763.547	85.710.618	92.223.433.849	
Giá trị còn lại								
Tại ngày 01/01/2011		3.001.852.783	37.961.009.807	1.653.333.563	268.872.459	50.775.757	42.935.844.369	
Tại ngày 31/12/2011		20.167.185.366	62.880.945.564	8.321.762.572	554.082.810	1.289.409.215	93.213.385.527	

* Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 77.653.767.366 VND

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 20.829.845.212 VND

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Năm 2011
 (tiếp theo)

5. Tài sản cố định vô hình Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng Cộng
Nguyên giá	-	-	-
Số dư ngày 01/01/2011	-	-	-
Mua trong năm	3.640.000.000	12.000.000	3.652.000.000
Số dư ngày 31/12/2011	3.640.000.000	12.000.000	3.652.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2011	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	2.244.442	2.244.442
Số dư ngày 31/12/2011	-	2.244.442	2.244.442
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2011	-	-	-
Tại ngày 31/12/2011	3.640.000.000	9.755.558	3.649.755.558

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Lệ phí trước bạ mua đất	21.048.000	21.048.000
Công trình xây dựng nhà văn phòng	-	663.089.885
Nhà xưởng	318.181.818	-
Tổng cộng	339.229.818	684.137.885

7. Tăng, giảm bất động sản đầu tư Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2011	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2011
Nguyên giá	639.964.000	-	639.964.000	-
Nhà xưởng	639.964.000	-	639.964.000	-
Giá trị hao mòn lũy kế	598.249.020	6.700.002	604.949.022	-
Nhà xưởng	598.249.020	6.700.002	604.949.022	-
Giá trị còn lại	41.714.980	-	35.014.978	-
Nhà xưởng	41.714.980	-	35.014.978	-

8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	31/12/2011		01/01/2011	
	Số lượng (CP)	Giá trị (VNĐ)	Số lượng (CP)	Giá trị (VNĐ)
Đầu tư vào công ty CP Du lịch Thác Đa	5.000	149.822.302	5.000	149.822.302
Tổng cộng	5.000	149.822.302	5.000	149.822.302

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011
 (tiếp theo)

9. Các khoản vay và nợ ngắn hạn	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vay ngắn hạn	123.770.435.683	70.716.385.291
Vay ngắn hạn ngân hàng		
Ngân hàng Công Thương Sông Công (1)	49.576.651.898	29.969.864.108
Ngân hàng ĐT và PT Việt Nam (2)	19.579.031.671	9.826.837.554
Ngân hàng TMCP Quân đội (3)	26.072.264.818	10.919.683.629
Ngân hàng Sacombank (4)	7.292.487.296	-
Vay ngắn hạn tổ chức và cá nhân khác		
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam (5)	20.000.000.000	20.000.000.000
Cán bộ công nhân viên (6)	1.250.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	11.184.488.832	5.558.000.000
Ngân hàng ĐT và PT Việt Nam	5.518.628.832	3.568.000.000
Ngân hàng Công Thương Sông Công	1.800.000.000	790.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội	3.865.860.000	1.200.000.000
Tổng cộng	134.954.924.515	76.274.385.291

(1) Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Công thương Sông Công theo HĐ số 222/2011/887/HĐTDHM ngày 09/09/2011, lãi suất và thời hạn vay được quy định theo từng kế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là tài sản cố định hữu hình.

(2) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Thái Nguyên theo Hợp đồng số 01/2011 ngày 07/07/2011, lãi suất và thời hạn vay được quy định theo từng kế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là tài sản cố định hữu hình.

(3) Khoản vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Quân đội theo HĐ số 49.11.090.420106.TD ngày 13 tháng 5 năm 2011, lãi suất và thời hạn vay được quy định theo từng kế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là Hàng tồn kho và khoản phải thu.

(4) Khoản vay ngắn hạn ngân hàng Sacombank theo Hợp đồng hạn mức số LD1117300023 ngày 22 tháng 6 năm 2011, lãi suất và thời hạn vay được quy định theo từng kế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là tài sản cố định hữu hình.

(5) Khoản vay ngắn hạn Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam theo Giấy nhận nợ số 01/2010 ngày 17 tháng 06 năm 2010, lãi suất và thời hạn vay được quy định theo từng kế ước nhận nợ.

(6) Khoản vay ngắn hạn Cán bộ công nhân viên trong công ty theo giấy nhận nợ số 01,02,03,04,05 ngày 20 đến 28 tháng 12 năm 2011, lãi suất và thời hạn vay được quy định theo từng kế ước nhận nợ.



10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế GTGT	417.410.029	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	25.069.925
Thuế thu nhập doanh nghiệp	737.708.035	778.016.450

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

Thuế thu nhập cá nhân	26.541.372	25.792.098
Tổng cộng	1.181.659.436	828.878.473
11. Chi phí phải trả	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Trích trước chi phí tiêu thụ bán hàng	545.385.855	241.135.100
Tiền ăn giữa ca	1.253.570.600	1.388.909.600
Lãi vay phải trả	2.770.074.659	1.948.159.247
Trích trước chi phí khuyến khích vượt doanh thu	-	-
Phải trả khác	116.215.600	162.837.689
Tổng cộng	4.685.246.714	3.741.041.636
12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	2.430.962.574	1.627.771.574
Bảo hiểm xã hội	12.826.286	-
Bảo hiểm y tế	-	42.667.600
Bảo hiểm thất nghiệp	-	850.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.945.461.290	1.580.324.117
<i>Đoàn phí</i>	601.371.800	252.300.800
<i>Tiền công ích</i>	14.594.000	14.594.000
<i>Phải trả CBCNV</i>	970.900.000	1.153.313.293
<i>Phải trả khác</i>	358.595.490	160.116.024
Tổng cộng	4.389.250.150	3.251.613.791
13. Vay và nợ dài hạn	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay dài hạn	11.394.233.496	6.852.896.868
Ngân hàng ĐT và PT Việt Nam (1)	1.314.688.849	3.506.910.201
Ngân hàng Công Thương Sông Công (2)	2.750.986.667	2.145.986.667
Ngân hàng TMCP Quân Đội (3)	7.328.557.980	1.200.000.000
Tổng cộng	11.394.233.496	6.852.896.868

(1) Khoản vay dài hạn NH đầu tư và phát triển Thái Nguyên theo HĐ số 01/2011 HĐ TM ngày 21/03/2011. Lãi suất vay là 22%, thời hạn vay là 4 năm, tài sản đảm bảo là máy móc thiết bị theo hóa đơn 0000025, 0002535 ...lãi suất theo quy định tại từng thời điểm.

(2) Khoản vay dài hạn ngân hàng Công thương sông công theo HĐ số 10014020 ngày 05/04/2010, lãi suất vay từ 16% - 18,5%/ 1 năm thời hạn vay 4 năm, tài sản đảm bảo khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay với giá trị tài sản đảm bảo là 16 tỷ đồng.

(3) Khoản vay dài hạn NH TMCP Quân đội theo HĐ số 51.11.090.420106 ngày 10 tháng 05 năm 2011, lãi suất vay 22%/năm, thời hạn vay 4 năm, tài sản đảm bảo khoản vay là toàn bộ TS hình thành từ vốn vay và vốn tự có bao gồm 04 máy tiện và 04 máy mài. Tổng trị giá là 13.800.000.000 đồng.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính 2011

Mẫu số B 09 - DN

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỐ YÊN
Địa chỉ: Thị trấn Bãi Bông - Phố Yên - Thái Nguyên
Tel: (0280) 3863 118 Fax: (0280) 3863 118

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2011
(tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng	Đơn vị tính: VND
14 Vốn chủ sở hữu						
14.1 Vốn chủ sở hữu						
a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu						
	Số dư tại ngày 01/01/2010	(15.300.000)	(32.642.488)	1.586.533.947	11.038.591.459	
	- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	
	- Lãi trong năm trước	-	32.967.372	3.171.799.349	3.171.799.349	
	- Tăng khác	-	-	-	32.967.372	
	- Phân phối quỹ	-	-	(1.586.533.947)	(1.586.533.947)	
	- Chia cổ tức	-	-	-	-	
	- Giám khác	-	-	-	-	
	Số dư tại ngày 31/12/2010	(15.300.000)	324.884	3.171.799.349	12.656.824.233	
	- Tăng vốn trong năm nay	-	-	2.592.059.138	2.592.059.138	
	- Lãi trong năm nay	-	2.119.417	-	2.119.417	
	- Tăng khác	-	-	-	-	
	- Phân phối quỹ	-	-	(2.093.844.737)	(2.093.844.737)	
	- Chia cổ tức	-	(324.884)	(559.191.897)	(559.191.897)	
	- Giám khác	-	-	3.110.821.853	12.597.641.270	
	Số dư tại ngày 31/12/2011	(15.300.000)	2.119.417	3.110.821.853	12.597.641.270	
b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu						
				31/12/2011	01/01/2011	
				VND	VND	
	Vốn góp của Nhà nước			4.845.000.000	4.845.000.000	
	Vốn góp của đối tượng khác			4.655.000.000	4.655.000.000	
	Cộng			9.500.000.000	9.500.000.000	

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2011
 (tiếp theo)

14.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vốn góp của Nhà nước	4.845.000.000	4.845.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	4.655.000.000	4.655.000.000
Tổng cộng	9.500.000.000	9.500.000.000

14.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	9.500.000.000	9.500.000.000
<i>Vốn góp đầu năm</i>	9.500.000.000	9.500.000.000
<i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	-
<i>Vốn góp giảm trong năm</i>	-	-
<i>Vốn góp cuối năm</i>	9.500.000.000	9.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.093.844.737	1.586.533.947

14.4 Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	95.000	95.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng:		
- <i>Cổ phiếu phổ thông:</i>	95.000	95.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:		
- <i>Cổ phiếu phổ thông:</i>	95.000	95.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 100.000 đồng/cổ phiếu

14.5 Các quỹ của doanh nghiệp	Đơn vị tính: VND			
Khoản mục	01/01/2011	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2011
Quỹ đầu tư phát triển	170.666.910	-	-	170.666.910
Quỹ dự phòng tài chính	113.777.940	-	-	113.777.940
Tổng cộng	284.444.850	-	-	284.444.850

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

15. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu bán nguyên vật liệu	3.463.575.492	2.451.494.736
Doanh thu bán thành phẩm	391.834.259.397	250.980.969.175

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

Doanh thu hoạt động khác	580.864.823	470.161.442
Tổng cộng	395.878.699.712	253.902.625.353
16. Giá vốn hàng bán	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn của nguyên vật liệu đã bán	3.031.388.872	2.452.344.529
Giá vốn của thành phẩm đã bán	335.282.339.697	217.372.607.960
Giá vốn hoạt động khác	56.837.552	75.379.624
Tổng cộng	338.370.566.121	219.900.332.113
17. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	672.290.773	222.456.089
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	25.645.400	-
Tổng cộng	697.936.173	222.456.089
18. Chi phí tài chính	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền vay	20.132.486.630	7.902.096.124
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	483.496.847	615.316.227
Tổng cộng	20.615.983.477	8.517.412.351
19. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	398.142.038.281	256.738.010.642
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	394.618.108.623	252.496.944.843
Chi phí không hợp lý hợp lệ	203.552.421	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	3.727.482.079	4.241.065.799
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm	931.870.520	1.069.266.450
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.	931.870.520	1.069.266.450
20. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	210.023.857.015	140.236.219.524
Chi phí nhân công	85.909.536.738	66.079.424.379
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.990.105.450	17.522.325.502



Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011
 (tiếp theo)

Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.361.710.096	6.537.270.777
Chi phí khác bằng tiền	40.732.400.385	24.268.353.867
Tổng cộng	372.017.609.684	254.643.594.049

21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.592.059.138	2.093.844.737
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.592.059.138	2.093.844.737
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	95.000	95.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27.285	22.040

VIII. Những thông tin khác

1. Thông tin về các bên liên quan

1.1 Giao dịch với các bên liên quan:	Quan hệ với công ty	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu			
Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	Cùng Công ty Mẹ	547.758.768	444.553.338
Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Cùng Công ty Mẹ	7.726.591.761	3.710.343.344
Công ty TNHH MTV Máy kéo và máy NN	Cùng Công ty Mẹ	728.967.853	657.138.306
Công ty CP Phụ tùng máy số 1	Cùng Công ty Mẹ	-	45.787.116
Công ty CP Cơ khí Cổ Loa	Cùng Công ty Mẹ	43.357.356	84.571.074
Công ty TNHH MTV Động cơ và máy NN Miền Nam	Cùng Công ty Mẹ	44.000.000	71.500.000
Ban quản lý dự án di dời và ĐT Công Nghệ Mới	Cùng Công ty Mẹ	-	362.082.000
Mua hàng			
Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Cùng Công ty Mẹ	2.104.936.385	1.327.272.021
Công ty CP Phụ tùng máy số 1	Cùng Công ty Mẹ	-	710.000
Công ty TNHH MTV Máy kéo và máy NN	Cùng Công ty Mẹ	-	61.094.000
CTCP Vật tư và Thiết bị toàn bộ	Cùng Công ty Mẹ	4.539.735.000	7.525.587.806
1.2 Số dư với các bên liên quan	Quan hệ với công ty	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Các khoản phải thu			
Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	Cùng Công ty Mẹ	201.105.986	126.211.259
Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Cùng Công ty Mẹ	464.741.190	113.318.436
Công ty TNHH MTV Máy kéo và máy NN	Cùng Công ty Mẹ	244.498.930	375.073.813

2022
 ĐÓNG
 NHẬN
 CHẤM VÀ
 CHỮ
 CHỮ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

(tiếp theo)

Công ty CP Cơ khí Cổ Loa	Cùng Công ty Mẹ	17.111.160	-
Công ty TNHH MTV động cơ và máy NN Miền Nam	Cùng Công ty Mẹ	-	24.200.000
Ban quản lý dự án di dời và ĐT Công Nghệ Mới	Cùng Công ty Mẹ	-	94.141.320
Các khoản phải trả			
Tổng công ty Máy động lực và Máy NN VN	Công ty Mẹ	2.300.000.000	1.770.684.932
Chi phí lãi vay		2.300.000.000	1.770.684.932
Các khoản vay			
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp	Công ty Mẹ	20.000.000.000	20.000.000.000

2. Những thông tin khác

2.1 Thông tin so sánh

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Cơ Khí Phổ Yên đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam và điều chỉnh theo Biên Bản Kiểm toán Nhà Nước ngày 27/10/2011. Một số chỉ tiêu so sánh của kỳ trước đã được điều chỉnh hồi tố theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 - Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót. Số liệu điều chỉnh được thuyết minh chi tiết như sau:

a. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh	Chênh lệch
Phải thu khác	206.608.521	254.829.269	48.220.748
Hàng tồn kho	48.739.699.064	49.965.897.590	1.226.198.526
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	43.476.650	-	(43.476.650)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	452.015.595	684.137.885	232.122.290
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	443.768.171	828.878.473	385.110.302
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.093.844.737	3.171.799.349	1.077.954.612

b. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010

Chỉ tiêu	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh	Chênh lệch
Giá vốn hàng bán	221.126.530.639	219.900.332.113	(1.226.198.526)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	32.776.094.714	34.002.293.240	1.226.198.526
Chi phí tài chính	8.728.486.641	8.517.412.351	(211.074.290)
Chi phí lãi vay	8.113.170.414	7.902.096.124	(211.074.290)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	412.080.142	1.849.352.958	1.437.272.816
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.803.792.983	4.241.065.799	1.437.272.816
Chi phí thuế TNDN hiện hành	709.948.246	1.069.266.450	359.318.204
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.093.844.737	3.171.799.349	1.077.954.612



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011
(tiếp theo)

2.2 Thuyết minh về số liệu điều chỉnh

Thuyết minh về số liệu điều chỉnh của năm 2010

- Khoản mục Hàng tồn kho tăng do giảm giá vốn hàng bán với giá trị: 1.226.198.526 VND.
- Khoản mục Thuế và các khoản phải nộp nhà nước tăng với giá trị: 385.110.302 VND do tăng thuế TNDN theo kết quả kiểm toán nhà nước là: 359.318.204 VND và tăng thuế thu nhập cá nhân Công ty chưa hạch toán với giá trị: 25.792.098 VND.
- Khoản mục Giá vốn hàng bán giảm 1.226.198.526 VND do tăng giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ của sản phẩm Phụ tùng Honda và tăng giá trị nguyên vật liệu tồn kho.
- Khoản mục Chi phí tài chính giảm 211.074.290 VND do tăng chi phí đầu tư XDCB dở dang nhà văn phòng khoản lãi vay trong thời gian xây dựng cơ bản.
- Khoản mục Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tăng với giá trị: 1.077.954.612 VND do điều chỉnh giảm giá vốn hàng bán và chi phí tài chính nêu trên.

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nhi

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 04 năm 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ PHỔ YÊN



Giám đốc

Hoàng Công Toán

